

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 510 - 116 /KOPT/2025

Tên khách hàng

: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC) –
NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU

Địa chỉ

: Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Địa điểm quan trắc

: Nhà máy đạm Cà Mau - Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Loại mẫu

: Khí thải

Số lượng mẫu: 02

Mã mẫu

: KT.250417.14; KT.250417.15.

Ngày lấy mẫu

: 15/04/2025

Thời gian phân tích: 17/04/2025 - 24/04/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		405/GPMT-BTNMT
				KT1-ĐCM	KT2-ĐCM	
1.	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US.EPA Method 5	15	36	160
2.	CO	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	21	19	800
3.	SO ₂	mg/Nm ³	US.EPA Method 8	<13 ^a	<13 ^a	400
4.	NO _x (NO ₂)	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	114	158	680
5.	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2004	35,6	24,2	40

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
KT1-ĐCM	Tại ống khói Z07601 tại xưởng sản xuất ure	1021477	0562037
KT2-ĐCM	Tại ống khói Z04201 tại xưởng sản xuất amoniac	1021466	0561713

- Quy chuẩn so sánh:

+ **405/GPMT-BTNMT**: Giới hạn cho phép quy định tại Giấy phép môi trường số 405/GPMT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30 tháng 12 năm 2022 cho Công ty Cổ phần phân bón dầu khí Cà Mau (PVCFC) – Nhà máy đạm Cà mau tại xã An Khánh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Nguyễn Văn Hưng

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2025



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hưng



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội.

Điện thoại: 0877.614.999

Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 512 - 116

KOPT/2025



VILAS 1222

Tên khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC) –
NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU

Địa chỉ

Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Địa điểm quan trắc

Nhà máy đạC Cà Mau - Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Loại mẫu

Khí thải

Số lượng mẫu: 01

Mã mẫu

KT.250417.17.

Ngày lấy mẫu

16/04/2025

Thời gian phân tích: 17/04/2025 - 24/04/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	405/GPMT-BTNMT
				KT4-ĐCM	
1.	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US.EPA Method 5	38	160
2.	CO	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	47	800
3.	SO ₂	mg/Nm ³	US.EPA Method 8	<13 ^a	400
4.	NO _x (NO ₂)	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	127	680
5.	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2004	14,8	40

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
KT4-ĐCM	Tại ống khói Z29101	1021421	0561708

- Quy chuẩn so sánh:

+ 405/GPMT-BTNMT: Giới hạn cho phép quy định tại Giấy phép môi trường số 405/GPMT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30 tháng 12 năm 2022 cho Công ty Cổ phần phân bón dầu khí Cà Mau (PVCFC) – Nhà máy đạC Cà mau tại xã An Khánh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Huy



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội.

Điện thoại: 0877.614.999

Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 511 - 116 / KQPT/2025

Tên khách hàng

: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC) – NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU**

Địa chỉ

: Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Địa điểm quan trắc

: Nhà máy đạC Cà Mau - Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Loại mẫu

: Khí thải

Số lượng mẫu: 01

Mã mẫu

: KT.250417.16.

Ngày lấy mẫu

: 15/04/2025

Thời gian phân tích: 17/04/2025 - 24/04/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	405/GPMT-BTNMT
				KT3-ĐCM	
1.	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US.EPA Method 5	20	160
2.	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2004	16,6	40

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
KT3-ĐCM	Khu vực ống khói Z08101	1021545	0562055

- Quy chuẩn so sánh:

+ **405/GPMT-BTNMT**: Giới hạn cho phép quy định tại Giấy phép môi trường số 405/GPMT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30 tháng 12 năm 2022 cho Công ty Cổ phần phân bón dầu khí Cà Mau (PVCFC) – Nhà máy đạC Cà mau tại xã An Khánh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2025



GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hưng

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiệm chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 513-116 /KOPT/2025

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC) – NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU**
Địa chỉ : Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Địa điểm quan trắc : **Nhà máy đạ**m Cà Mau - Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT.250417.18.
Ngày lấy mẫu : 14/04/2025 Thời gian phân tích: 17/04/2025 - 24/04/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	405/GPMT-BTNMT
				NT1-ĐCM	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,67	5,5 – 9
2.	Lưu lượng	m ³ /h	CEC/SOP/HT-004	3,9	-
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT - 001	492	1.200
4.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	25	40,5
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	57	81
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,32	8,1
7.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,04)	0,4
8.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1,0 ^a	12
9.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (MDL=0,03)	6
10.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	11,4	32,4
11.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,87	3,24
12.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	1.900	3.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT1-ĐCM	Nước sau xử lý từ hệ thống xử lý nước	1021371	0562056

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiệm chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

CEC.BM 7.8.03

Lần ban hành: 03

Trang: 1



VIMCERTS 230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
Điện thoại: 0877.614.999 Website: moitruongcec.vn

	thải sinh hoạt		
--	----------------	--	--

- Quy chuẩn so sánh:

- + **405/GPMT-BTNMT**: Giới hạn cho phép quy định tại Giấy phép môi trường số 405/GPMT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30 tháng 12 năm 2022 cho Công ty Cổ phần phân bón dầu khí Cà Mau (PVCFC) – Nhà máy đạm Cà mau tại xã An Khánh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.
- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.
- (-): Không có quy định.

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng

Hà Nội, ngày 24 tháng 09 năm 2025



P. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiệm chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 514 - 116

KOPT/2025



Tên khách hàng

: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC) -
NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU

Địa chỉ

: Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Địa điểm quan trắc

: Nhà máy đạm Cà Mau - Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Loại mẫu

: Nước thải

Số lượng mẫu: 01

Mã mẫu

: NT.250417.19.

Ngày lấy mẫu

: 14/04/2025

Thời gian phân tích: 17/04/2025 - 24/04/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	405/GPMT-BTNMT
				NT2-ĐCM	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,48	5,5 – 9
2.	Lưu lượng	m ³ /h	CEC/SOP/HT-004	6,97	-
3.	Độ màu	mgPtCo/L	TCVN 6185.C:2015	18	150
4.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	20	40,5
5.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	45	121,5
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	39	81
7.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	1,51	8,1
8.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	10,8	32,4
9.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,67	3,24
10.	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500.Cl.G:2017	0,19	0,81
11.	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114.B:2017	<0,0007 ^a	0,04
12.	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113.B:2017	<0,0004 ^a	0,081
13.	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113.B:2017	<0,0018 ^a	0,081
14.	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	<0,1 ^a	1,62
15.	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	<0,1 ^a	4,05
16.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,04)	0,4
17.	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112.B:2017	<0,0007 ^a	0,008
18.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	2,8	8,1
19.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	1.900	3.000

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiệm chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội

Điện thoại: 0877.614.999

Website: moitruongcec.vn

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT2-ĐCM	Nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu	1021415	0562005

- Quy chuẩn so sánh:

+ **405/GPMT-BTNMT**: Giới hạn cho phép quy định tại Giấy phép môi trường số 405/GPMT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30 tháng 12 năm 2022 cho Công ty Cổ phần phân bón dầu khí Cà Mau (PVCFC) – Nhà máy đạm Cà mau tại xã An Khánh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM


Nguyễn Văn Hưng

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2025



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Huy



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội

Điện thoại: 0877.614.999

Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 515 - 116

/KOPT/2025



Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PSVCEC) – NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU**
Địa chỉ : Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Địa điểm quan trắc : **Nhà máy đạ**m Cà Mau - Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT.250417.20.
Ngày lấy mẫu : 14/04/2025 Thời gian phân tích: 17/04/2025 - 24/04/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	405/GPMT-BTNMT
				NT3-ĐCM	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,87	5,5 – 9
2.	Lưu lượng	m ³ /h	CEC/SOP/HT-004	4,0	-
3.	Độ màu	mgPtCo/L	TCVN 6185.C:2015	21	150
4.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	24	40,5
5.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	51	121,5
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	62	81
7.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	3,1	8,1
8.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	14,6	32,4
9.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,71	3,24
10.	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500.Cl.G:2017	0,22	0,81
11.	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114.B:2017	<0,0007 ^a	0,04
12.	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113.B:2017	<0,0004 ^a	0,081
13.	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113.B:2017	0,003	0,081
14.	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	<0,1 ^a	1,62
15.	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	<0,1 ^a	4,05
16.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,04)	0,4
17.	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112.B:2017	<0,0007 ^a	0,008
18.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	1,9	8,1
19.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	1.800	3.000

- (*) Chi tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiêm chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

CEC.BM 7.8.03

Lần ban hành: 03

Trang: 1



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội

Điện thoại: 0877.614.999

Website: moitruongcec.vn

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT3-ĐCM	Nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải nhiễm amoniac	1021414	0562005

- Quy chuẩn so sánh:

+ **405/GPMT-BTNMT**: Giới hạn cho phép quy định tại Giấy phép môi trường số 405/GPMT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30 tháng 12 năm 2022 cho Công ty Cổ phần phân bón đầu khí Cà Mau (PVCFC) – Nhà máy đạm Cà mau tại xã An Khánh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng

Hà Nội ngày 21 tháng 04 năm 2025



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Huy

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 516 - 116



Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC)**
Địa chỉ : **NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU**
Địa điểm quan trắc : **Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau**
Loại mẫu : **Nước thải** Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : **NT.250417.21.**
Ngày lấy mẫu : **14/04/2025** Thời gian phân tích: 17/04/2025 - 24/04/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	405/GPMT-BTNMT
				NT4-ĐCM	
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550.B:2017	29,32	40
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,51	5,5 – 9
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT - 001	611	-
4.	Độ màu	mgPtCo/L	TCVN 6185.C:2015	38	150
5.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	21	40,5
6.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	43	121,5
7.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	37	81
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	3,4	8,1
9.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	13,1	32,4
10.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,88	3,24
11.	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500.Cl.G:2017	0,23	0,81
12.	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114.B:2017	<0,0007 ^a	0,04
13.	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113.B:2017	<0,0004 ^a	0,081
14.	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113.B:2017	<0,0018 ^a	0,081
15.	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	<0,1 ^a	1,62
16.	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,27	4,05
17.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,04)	0,4
18.	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112.B:2017	<0,0007 ^a	0,008
19.	Dầu, mỡ động thực	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1,0 ^a	12

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghi ngờ chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	405/GPMT-BTNMT
	vật				
20.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	3,6	8,1
21.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (MDL=0,03)	-
22.	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221.B:2017	2.300	3.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT4-ĐCM	Nước đầu ra chung của 03 hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu nước thải nhiễm amoniac, nước thải sinh hoạt	1021296	0562088

- Quy chuẩn so sánh:

+ **405/GPMT-BTNMT:** Giới hạn cho phép quy định tại Giấy phép môi trường số 405/GPMT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30 tháng 12 năm 2022 cho Công ty Cổ phần phân bón dầu khí Cà Mau (PVCFC) – Nhà máy đạm Cà mau tại xã An Khánh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Nguyễn Văn Hưng

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2025



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Huy

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 517-116 /KQPT/2025



Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCF) – NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU**
Địa chỉ : Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Địa điểm quan trắc : **Nhà máy đạm Cà Mau - Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau**
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT.250417.22.
Ngày lấy mẫu : 14/04/2025 Thời gian phân tích: 17/04/2025 - 24/04/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	405/GPMT-BTNMT
				NT5-ĐCM	
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550.B:2017	29,4	40
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,67	5,5 – 9
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT - 001	833	1.200
4.	Độ màu	mgPtCo/L	TCVN 6185.C:2015	31	150
5.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	18	40,5
6.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	40	121,5
7.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	66	81
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	3,1	8,1
9.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	15,9	32,4
10.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,11	3,24
11.	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500.CI.G:2017	<0,1 ^a	0,81
12.	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114.B:2017	<0,0007 ^a	0,04
13.	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113.B:2017	<0,0004 ^a	0,081
14.	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113.B:2017	0,003	0,081
15.	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111.B:2017	<0,1 ^a	1,62
16.	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,18	4,05
17.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,04)	0,4
18.	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112.B:2017	<0,0007 ^a	0,008
19.	Dầu, mỡ động thực	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1,0 ^a	12

(*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	405/GPMT-BTNMT
	vật				
20.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	3,4	8,1
21.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (MDL=0,03)	6
22.	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221.B:2017	2.900	3.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT5-ĐCM	Nước trên kênh thoát nước thải chung trước khi xả thải ra sông Ông Đốc	1021296	0562096

- Quy chuẩn so sánh:

+ **405/GPMT-BTNMT:** Giới hạn cho phép quy định tại Giấy phép môi trường số 405/GPMT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30 tháng 12 năm 2022 cho Công ty Cổ phần phân bón dầu khí Cà Mau (PVCFC) – Nhà máy đạm Cà mau tại xã An Khánh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM


Nguyễn Văn Hưng

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2025



PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Văn Hưng

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 518-116

KOPT/2025



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC) –
NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU
Địa chỉ : Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Địa điểm quan trắc : Nhà máy đạm Cà Mau - Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 02
Mã mẫu : NT.250417.23; NT.250417.24.
Ngày lấy mẫu : 15/04/2025 Thời gian phân tích: 17/04/2025 - 24/04/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 2-Mức B)
				NM1-ĐCM	NM2-ĐCM	
1.	Amoni ($\text{NH}_4^+ \text{--} \text{N}$)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	1,14	1,02	0,3
2.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	<10 ^a	<10 ^a	1,5
3.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,69	0,54	0,3

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NM1-ĐCM	Nước mặt trên sông Ông Đốc, cách 500 m về phía thượng lưu so với điểm xả thải	1020864	0563034
NM2-ĐCM	Nước mặt trên sông Ông Đốc, cách 500 m về phía hạ lưu so với điểm xả thải	1020166	0562460

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;

Bảng 2. Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước

Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

T.M PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2025



P. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hưng



4754/BC-SYT
4681/SYT-NVY

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội.
Điện thoại: 0877.614.999 Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: L045 - 116 /KQPT/2025



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC) – NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU
Địa chỉ : Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Địa điểm quan trắc : Nhà máy đạC Cà Mau - Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Không khí làm việc Số lượng mẫu: 06
Ngày lấy mẫu : 15/04/2025 Thời gian phân tích: 17/04/2025 - 24/04/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích			405/GPMT-BTNMT
				K1-ĐCM	K2-ĐCM	K3-ĐCM	
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	65,3	65,3	66,3	≤ 70
2	Độ rung	dB	TCVN 27:2016/BYT	60,0	58,3	59,3	≤ 70

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích			405/GPMT-BTNMT
				K4-ĐCM	K5-ĐCM	K6-ĐCM	
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	62,7	59,7	65,0	≤ 70
2	Độ rung	dB	TCVN 27:2016/BYT	59,7	60,7	62,3	≤ 70

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K1-ĐCM	Không khí tại phân xưởng sản xuất urea	1021491	0561964
K2-ĐCM	Không khí tại phân xưởng sản xuất amonia	1021470	0561717
K3-ĐCM	Không khí tại cảng xuất sản phẩm	1021822	0562287
K4-ĐCM	Không khí tại phân xưởng đóng gói	1021652	0562279
K5-ĐCM	Không khí tại cảng nhập nguyên liệu 500.000 tấn	1021804	0562272
K6-ĐCM	Không khí tại phân xưởng phân bón phức hợp	1021421	0561708

- Quy chuẩn so sánh:

+ **405/GPMT-BTNMT:** Giới hạn cho phép quy định tại Giấy phép môi trường số 405/GPMT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30 tháng 12 năm 2022 cho Công ty Cổ phần phân bón dầu khí Cà Mau (PVCFC) – Nhà máy đạC Cà mau tại xã An Khánh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Kết quả mang tính tham khảo. Được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng sử dụng các phương pháp

- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (*).

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 4681/SYT-NVY và báo cáo số 4754/BC-SYT về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội.
Điện thoại: 0877.614.999 Website: moitruongcec.vn

4754/BC-SYT
4681/SYT-NVY

được công nhận tại văn bản số 4681/SYT-NVY và 4754/BC-SYT của Sở y tế thành phố Hà Nội ngày 25/09/2024 về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Huy

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: L 046 - 116

KOPT/2025

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN ĐẦU KHÍ CÀ MAU (PVCFC) – NHÀ MÁY ĐẠM CÀ MAU
Địa chỉ : Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Địa điểm quan trắc : Nhà máy đạ m Cà Mau - Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Không khí làm việc Số lượng mẫu: 04
Ngày lấy mẫu : 14/04/2025 Thời gian phân tích: 17/04/2025 - 24/04/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		405/GPMT-BTNMT
				KT1-ĐCM	KT2-ĐCM	
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	66,7	62,0	≤70
2	Độ rung	dB	TCVN 27:2016/BYT	62,0	62,0	≤70

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		405/GPMT-BTNMT
				KT3-ĐCM	KT4-ĐCM	
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	63,0	65,0	≤70
2	Độ rung	dB	TCVN 27:2016/BYT	63,0	62,0	≤70

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
KT1-ĐCM	Khu vực ống khói Z07601 tại xưởng sản xuất ure;	1021477	0562037
KT2-ĐCM	Khu vực ống khói Z04201 tại xưởng sản xuất amoniac;	1021466	0561713
KT3-ĐCM	Khu vực ống khói Z08101	1021545	0562055
KT4-ĐCM	Khu vực ống khói Z29101	1021421	0561708

- Quy chuẩn so sánh:

+ 405/GPMT-BTNMT: Giới hạn cho phép quy định tại Giấy phép môi trường số 405/GPMT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30 tháng 12 năm 2022 cho Công ty Cổ phần phân bón đầu khí Cà Mau (PVCFC) – Nhà máy đạ m Cà mau tại xã An Khánh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Kết quả mang tính tham khảo. Được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng sử dụng các phương pháp được công nhận tại văn bản số 4681/SYT-NVY và 4754/BC-SYT của Sở y tế thành phố Hà Nội ngày 25/09/2024 về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng

P. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy

- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (*).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 4681/SYT-NVY và báo cáo số 4754/BC-SYT về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.